

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2020/HS-ST  
Ngày: 11-9-2020.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG**

***- Thphần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Đức Công.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tuyết.
2. Bà Nguyễn Thị Văn.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Anh Ly là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Ka Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 80/2020/TLST-HS, ngày 12 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2020, đối với các bị cáo:

**1. Họ và tên: Nguyễn Thị Ng**, tên gọi khác: Không, sinh năm 1984; tại tỉnh Hải Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: xã Đ, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Nông nghiệp; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1961, không rõ địa chỉ và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961, cha dượng Nguyễn Văn Quý, sinh năm 1949, cùng cư trú tại: xã Đ, Thphố B, tỉnh Lâm Đồng; chồng: Đoàn Trung H, sinh năm 1975 (đã ly hôn năm 2008); con: Có 01 con, sinh năm 2006, cư trú tại: xã Đ, Thphố B, tỉnh Lâm Đồng; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

**2. Họ và tên: Chu Trọng Th**, tên gọi khác: V, sinh năm 1994; tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Phường 2, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng; trình độ văn hóa: Lớp 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Làm vườn; con ông Chu Trọng K, sinh năm 1974 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1975, cùng trú tại: Phường 2, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng; vợ: Trương Thị Hồng D, sinh năm 1990 (đã ly hôn); con: có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt và bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Tp. B, tỉnh Lâm Đồng từ ngày 29/4/2020 đến nay. *Có mặt.*

**3. Họ và tên Trần Xuân T**, tên gọi khác: T.B.Đ; sinh năm 1978; tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: đường T, thôn 4, xã Đ, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng; trình độ văn hóa: Lớp 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Không; con ông Trần Phi H, sinh năm 1952 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1953, cư trú tại: Th phố L, tỉnh Đồng Nai; vợ: Võ Thị Phương H, sinh năm 1975; con: Có 02 con chung với chị H, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2002, cả ba đã đi khỏi địa phương, hiện không biết địa chỉ; sống chung như vợ chồng với chị Võ Thị C, sinh năm 1989; có 02 con chung với chị C, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2014, cả ba cùng trú tại: xã Đ, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng; tiền án: Không.

- *Tiền sự*: Ngày 20/3/2020 bị Công an Tp. B, tỉnh Lâm Đồng xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, đã thực hiện việc đóng phạt.

- *Nhân thân*:

+ Ngày 04/8/2009, bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt 15 tháng 24 ngày tù về tội: “Gây rối trật tự công cộng” theo Bản án số 02/2011/HSST ngày 21/02/2011.

+ Ngày 25/7/2018 bị Công an Tp. B xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 3.500.000 đồng về hành vi “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, tỉnh Lâm Đồng từ ngày 29/4/2020. *Có mặt*.

**4. Họ và tên: Nguyễn Văn T1**, tên gọi khác: Không; sinh năm 1988; tại tỉnh Lâm Đồng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường P, phường 2, Th phố B, tỉnh Lâm Đồng và nơi cư trú: đường L, phường 2, Th phố B, tỉnh Lâm Đồng; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1964, cư trú tại: xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; vợ: Bùi Thị Q sinh năm 1993; con: có 03 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt và bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Tp. B từ ngày 29/4/2020 đến nay. *Có mặt*.

- *Bị hại*:

Chị **Bùi Thị Linh Nh**, sinh năm 1979

Địa chỉ: đường L, phường 1, Th phố B, tỉnh Lâm Đồng. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào khoảng giữa năm 2017, chị Bùi Thị Linh Nh, sinh năm 1979, trú tại: đường L, phường 1, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng có vay của Nguyễn Thị Ng số tiền 125.000.000 đồng, không viết giấy vay tiền, thời hạn vay là một tháng sẽ trả đủ tiền gốc và lãi suất. Khi đến hạn, chị Nh mới trả cho Ng được 25.000.000đ, còn nợ lại 100.000.000đ

rồi bỏ nơi ở đi đâu không rõ địa chỉ. Vì vậy, Ng có nhờ Chu Trọng Th đòi nợ giúp, Ng và thỏa thuận nếu đòi được nợ thì sẽ chia theo tỷ lệ Th 40%, 60% của số tiền 100.000.000đ. Đến khoảng cuối năm 2019, Ng nhắn tin cho Th nói không cần đòi nợ giúp Ng nữa mà chỉ cần nếu gặp được Nh ở đâu thì báo cho Ng để Ng gặp Nh nói chuyện.

Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 24/4/2020, khi gặp Nh tại cơ sở massage (của người khuyết tật) ở địa chỉ đường N, phường L, Tp. B thì Th điện thoại báo cho Ng biết, đồng thời Th có rủ thêm T và T1 cùng đến. Th, T, T1 ngồi ở quán nước giải khát bên cạnh cơ sở massage, còn Ng vào tìm Nh và kéo Nh ra quán nước nói chuyện. Tại đây, Ng yêu cầu Nh phải viết cho Ng một giấy nhận nợ nhưng Nh có thái độ không hợp tác nên Th có cầm 01 mũ lưỡi trai của Th đánh một cái vào mặt của Nh, lấy viên đá lạnh trong ly cà phê ném vào người Nh, đồng thời cầm 01 cái bóp của T ném vào người Nh để bắt Nh viết giấy nợ nhưng Nh vẫn không đồng ý viết và Ng đã yêu cầu Nh về phòng trọ của Ng để nói chuyện tiếp. Lúc này, Th giật lấy chìa khóa xe từ trong túi áo của Nh và đi ra chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 49K1-359.71 của Nh và mở cốp xe kiểm tra thì thấy bên trong có 01 bịch nilon có đựng nhiều giấy tờ. Thấy vậy, Nh chạy lại giật lấy bịch nilon thì bị Ng chạy đến kéo áo và nói Nh bỏ lại bịch nilon vào trong cốp xe, rồi đi theo Ng về phòng trọ nói chuyện. Giữa Nh và Ng có giằng co qua lại dẫn đến việc Ng có dùng tay nắm 01 cái vào mặt của Nh. T ngồi sẵn trên xe mô tô của Nh và nói: “Cứ đi đi, không ai làm gì đâu” còn Th kéo Nh lên xe để T chở Nh về phòng trọ của Ng; Ng, Th và T1 mỗi người đi một xe máy về phòng trọ của Ng ở địa chỉ số 15 đường H, phường 2, Tp. B.

Tại phòng trọ, Ng và T ép chị Nh viết giấy nhận nợ nhưng Nh không đồng ý viết. Th đang ngồi ngoài cửa cùng T1, thấy vậy liền lấy 01 chiếc dép xộp tại phòng trọ tát một cái vào mặt Nh và dùng chân đạp một cái vào vùng hông của Nh. Do sợ bị đánh tiếp nên Nh đồng ý viết giấy nhận nợ cho Ng với số tiền 80.000.000 đồng. Sau khi Nh viết xong giấy ghi nợ thì T và Ng tiếp tục yêu cầu Nh viết giấy để lại các tài sản gồm: 01 xe mô tô biển số 49K1-359.71, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị Nh, 02 CMND mang tên Bùi Thị Linh Nh, 02 sổ hộ khẩu mang tên Bùi Thị Linh Nh, 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 49K1-359.71 mang tên Bùi Thị Linh Nh, số tiền 1.500.000đ. Khi nào Nh trả hết tiền cho Ng thì Ng sẽ trả lại số tài sản này.

Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày thì Ng nói T1 chở Nh về, còn Ng đưa cho Th số tiền 1.500.000đ lấy được từ Nh để trả công cho T và Th, Th chia cho T1 và T mỗi người 500.000đ rồi cả nhóm giải tán. Ng mang xe của Nh đi gửi cho một người bạn của Ng là anh Lương Văn P, sinh năm 1983, trú tại: tổ 1, phường L, Tp. B rồi đi về nhà.

Chị Nh trình báo sự việc trên đến cơ quan Công an, sau đó anh Phong đã giao nộp lại chiếc xe nói trên, Ng đã giao nộp lại toàn bộ số tài sản đã tạm giữ của Nh, Th và T1 đã giao nộp lại số tiền 1.000.000đ do Ng đưa, số tiền 500.000đ còn lại T đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Th phố B xác định: 01 chiếc xe mô tô BS: 49K1-35971 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu LG, màu trắng mà Ng, T, Th, T1 chiếm đoạt của Nh có tổng trị giá là

16.901.000đ. Như vậy, tổng số tài sản bị chiếm đoạt là 18.401.000đ (mười tám triệu bốn trăm không một ngàn đồng).

Bản Cáo trạng số 91/CT-VKSBL, ngày 10 tháng 8 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Ng, Chu Trọng Th, Trần Xuân T và Nguyễn Văn T1 về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Ng, Chu Trọng Th, Trần Xuân T và Nguyễn Văn T1 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ng từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Chu Trọng Th từ 12 đến 15 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Xuân T từ 15 đến 18 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 từ 12 đến 15 tháng tù.

\* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra Cơ quan Công an thành phố B đã ra quyết định xử lý vật chứng và trả lại cho bị hại chị Bùi Thị Linh Nh toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt nên không xem xét.

- Số tiền 1.000.000 đồng liên quan đến việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Model: 1174, màu đen, số imei: 357714103723792 của Nguyễn Văn T1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, số Imei: 357752100015796 của Trần Xuân T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A20, màu xanh, số imei: 357648109404231 của Nguyễn Thị Ng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu đen, số imei: 869414048629557 của Chu Trọng Th. Đây là vật chứng liên quan đến việc phạm tội tịch thu sung quỹ Nhà nước.

\* Về bồi thường thiệt hại:

Bị cáo Nguyễn Thị Ng và Chu Trọng Th mỗi bị cáo đã bồi thường 1.500.000đ cho bị hại Bùi Thị Linh Nh, bị hại không yêu cầu gì thêm về dân sự nên không xem xét.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

+ Các bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến gì về bản Cáo trạng và không có tranh luận, đối đáp gì với Kiểm sát viên.

+ Bị cáo Ng nói lời sau cùng: Nhận thức được hành vi phạm tội là vi phạm pháp luật, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo để nuôi con bị chấn thương sọ não, nuôi bố mẹ già yếu.

+ Bị cáo Thnói nói lời sau cùng: Nhận thức được hành vi phạm tội là vi phạm pháp luật, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về đoàn tụ gia đình.

+ Bị cáo T nói lời sau cùng: Nhận thức được hành vi phạm tội là vi phạm pháp luật, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

+ Bị cáo T1 nói lời sau cùng: Nhận thức được hành vi phạm tội là vi phạm pháp luật, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thị Ng, Chu Trọng Th, Trần Xuân T và Nguyễn Văn T1 đã khai và thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra; nội dung bản Cáo trạng đã truy tố; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa; nội dung bản Kết luận điều tra; Kết luận định giá tài sản; lời khai của bị hại; lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ chứng minh đã được thu thập theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự qui định đã được kiểm tra tại phiên tòa.

Như vậy, có đủ căn cứ kết luận: Vào ngày 24/4/2020, tại phường 2, thành phố B các bị cáo Nguyễn Thị Ng, Chu Trọng Th, Trần Xuân T và Nguyễn Văn T1 đã có hành vi dùng vũ lực ép buộc chị Bùi Thị Linh Nh viết giấy nhận nợ số tiền 80.000.000đ, ép chị Nh viết giấy để lại tài sản rồi chiếm đoạt giấy tờ về tài sản, về nhân thân và chiếm đoạt tiền, tài sản có tổng giá trị là 18.401.000đ.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được qui định khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, Cáo trạng số 91/CT-VKS, ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của tội phạm, tuổi chịu trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu về tài sản và sức khỏe của con người được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo với số đông người đã dùng vũ lực như lấy dép tát vào mặt, dùng chân đạp vào người bị hại với mục đích răn đe

để chiếm đoạt tài sản, thể hiện rõ sự xem thường pháp luật. Các bị cáo thực hiện tội phạm là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo gây mất trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về nhân thân: Các bị cáo Ng, Th, T1 đều có nhân thân tốt. Bị cáo T có nhân thân xấu.

[5] Về T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã Th khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được bị hại viết đơn xin giảm nhẹ hình phạt; bị hại cũng có lỗi một phần. Bị cáo Th có ông nội là Chu Trọng C được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Bị cáo Ng và Th mỗi người đã bồi thường số tiền 1.500.000đ cho bị hại; tài sản đã được thu hồi và trả lại cho bị hại. Bị cáo Ng, Th được áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; bị cáo T, T1 được áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[6] Về T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[7] Vụ án có đồng phạm nên cần xem xét tính chất và mức độ của từng bị cáo như sau:

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Ng là người khởi xướng và là người trực tiếp thực hiện tội phạm nên tính chất, mức độ của bị cáo cao hơn các bị cáo Th, T, T1.

Đối với bị cáo Chu Trọng Th là người giúp sức tích cực và là người trực tiếp thực hiện tội phạm nên tính chất mức độ của bị cáo thấp hơn bị cáo Nghưng cao hơn bị cáo T và T1.

Đối với bị cáo T và T1 là người giúp sức cho bị cáo Ng và Th nên tính chất mức độ ngang nhau và thấp hơn bị cáo Ng và Th.

[8] Căn cứ vào qui định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các T giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy:

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Ng đáng lẽ ra phải xử phạt tù nhưng do gia đình bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt như: Bị cáo có người con duy nhất bị tai nạn giao thông chấn thương sọ não (lõm sọ), chồng đã ly hôn, là lao động chính trong gia đình phải nuôi bố mẹ già, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương phối hợp cùng với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục cũng đủ cải tạo và phòng ngừa. Vì vậy, áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách là phù hợp.

Đối với các bị cáo Th, T và T1 cần cách ly khỏi xã hội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Đối với bị cáo Th có nhiều T tiết giảm nhẹ nên được xử mức hình phạt bằng với bị cáo T1. Bị cáo T có nhân thân xấu nên mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác.

[9] Về phạt bổ sung: Miễn phạt bổ sung cho các bị cáo.

[10] Các vấn đề khác: Đối với anh Lương Văn P là người được bị cáo Ng nhờ giữ hộ chiếc xe mô tô biển số 49K1-359.81 của bị hại Bùi Thị Linh Nh, tuy nhiên anh P không biết về nguồn gốc chiếc mô tô này do phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh P.

[11] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử lý như sau:

Quá trình điều tra Cơ quan Công an thành phố B, tỉnh Lâm Đồng đã ra quyết định xử lý vật chứng và trả lại cho bị hại chị Bùi Thị Linh Nh toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt nên không xem xét.

- Đối với số tiền 1.000.000đ thu giữ của bị cáo Th và T1. Đây là tiền do phạm tội mà có nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 500.000đ là tiền do phạm tội mà có, do T đã tiêu xài cá nhân hết nên buộc bị cáo Trần Xuân T phải nộp lại sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, số Imei: 357752100015796 của Trần Xuân T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Model: 1174, màu đen, số imei: 357714103723792 của Nguyễn Văn T1. Đây là tài sản không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A20, màu xanh, số imei: 357648109404231 của Nguyễn Thị Ng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu đen, số imei: 869414048629557 của Chu Trọng Th. Đây là vật chứng liên quan đến việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[12] Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, giải quyết như sau:

Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Thị Ng và Chu Trọng Th mỗi bị cáo đã bồi thường cho bị hại Bùi Thị Linh Nh số tiền 1.500.000đ, bị hại đã nhận và không yêu cầu gì thêm về dân sự nên không xem xét.

[13] Xét đề nghị và luận tội của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa được chấp nhận một phần; phần không được chấp nhận là về xử lý vật chứng đối với 02 điện thoại của bị cáo T và T1 không liên quan đến việc phạm tội thì trả lại cho các bị cáo nhưng Kiểm sát viên đề nghị sung quỹ Nhà nước là thiếu sót. Số tiền 500.000đ bị cáo T đã tiêu xài cá nhân hết, đây là tiền do phạm tội mà có thì phải buộc bị cáo T nộp lại sung quỹ Nhà nước mới đúng pháp luật.

[14] Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về ... án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

[15] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Ng, Chu Trọng Th, Trần Xuân T và Nguyễn Văn T1 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

## 2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 170, Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Ng 15** (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170, Điều 17; Điều 38, điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Chu Trọng Th**, tên gọi khác: Vương **12** (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/4/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170, Điều 17; Điều 38 và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Trần Xuân T**, tên gọi khác: T.B.Đ **15** (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/4/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170, Điều 17; Điều 38 và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T1 12** (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/4/2020.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Ng cho Ủy ban nhân dân xã Đ, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo có sự thay đổi nơi cư trú thì việc thi hành án hình sự được thực hiện theo Luật thi hành án Hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách. “*Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo*”.

## 3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước gồm: Số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A20, màu xanh, số imei: 357648109404231 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu đen, số imei: 869414048629557.

- Buộc bị cáo Trần Xuân T phải nộp lại 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) sung quỹ Nhà nước.

- Trả lại cho: bị cáo Nguyễn Văn T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Model: 1174, màu đen, số imei: 357714103723792 và bị cáo Trần Xuân T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, số Imei: 357752100015796 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

T trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/8/2020 giữa Cơ quan Công an Thphố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Tiền theo Ủy nhiệm chi số 75 ngày 17/8/2020 giữa Cơ quan Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.



**4.** Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Thị Ng, Chu Trọng Th, Trần Xuân T và Nguyễn Văn T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**5.** Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố B;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục T.H.A.DS thành phố B;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Đức Công**